TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/DS-ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2019/TLST-DS ngày 19/9/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2019/QĐST-DS ngày 14/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**; Trụ sở chính: Số 130 đường L, phường A, quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật có ông T; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền có bà N – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh N – Phòng giao dịch Đ (theo Quyết định số 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24/01/2019 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP A, Quyết định số 177/QĐ-DAB-PC ngày 16/3/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP A, Quyết định số 156/QĐ-DNG ngày 19/9/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh N); có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông **M,** sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 53 phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà N trình bày:**

Ông M có vay vốn tại Ngân hàng TMCP A theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ký ngày 25/12/2015 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ đã được ông M ký nhận nợ đợt vay số 0109592701T16013 ngày 26/01/2016, cụ thể như sau**:** Số tiền vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)**;** Lãi suất trong hạn 8%/năm, lãi suất tính theo dự nợ ban đầu; Thời hạn vay 36 tháng; Mục đích vay: Cho vay tiêu dùng; Không có tài sản đảm bảo.

Trong quá trình vay, từ ngày 26/01/2016 đến ngày 25/09/2017, ông M chỉ trả được tổng số tiền 13.831.770đ (Mười ba triệu tám trăm ba mươi mốt ngàn bảy trăm bảy mươi đồng); Trong đó: Nợ gốc 9.980.180 đồng, lãi trong hạn 3.819.820 đồng, lãi quá hạn 31.770 đồng.

Trong quá trình vay vốn, ông M đã không thực hiện đúng cam kết thanh toán nợ và lãi vay đúng hạn cho Ngân hàng TMCP A.

Mặc dù Ngân hàng TMCP A đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho thanh toán nợ vay nhưng ông M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A.

Nay căn cứ vào nội dung thỏa thuận giữa ông M và Ngân hàng, Ngân hàng TMCP A kính đề nghị Toà án xem xét và phán quyết buộc: Ông M phải trả toàn bộ vốn và lãi vay cho Ngân hàng TMCP A tạm tính đến ngày 29/11/2019 với tổng số tiền là: 12.741.574đ (Mười hai triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc 10.019.820 đồng, nợ lãi 980.180 đồng và lãi quá hạn 1.741.574 đồng. Và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/11/2019 đến ngày ông M thực trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định của Ngân hàng. Ngoài ra, ông M phải chịu mọi chi phí phát sinh.

*** Theo Bản tự khai và Biên bản hòa giải, Bị đơn – ông M trình bày:**

Thống nhất với điều kiện, thời gian và số tiền vay cũng như số tiền còn nợ mà đại diện Ngân hàng trình bày. Ông M xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền 12.434.300 đồng (Mười hai triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn ba trăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 10.019.820 đồng, nợ lãi là 980.180 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.434.300 đồng tính đến ngày 27/8/2019. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên ông M chưa có khả năng thanh toán một lần cho Ngân hàng, ông M xin trả mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền là 12.741.574 đồng (Mười hai triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm bảy mươi

bốn đồng). Trong đó: nợ gốc 10.019.820 đồng, nợ lãi 980.180 đồng và lãi quá hạn 1.741.574 đồng tính đến ngày 29/11/2019 và lãi phát sinh từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ và phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông M đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 25/12/2015, ông M ký kết Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ với Ngân hàng TMCP A và được Ngân hàng đồng ý cho vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay: vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 8%/ năm lãi suất tính theo dư nợ ban đầu. Ngân hàng đồng ý cho ông M vay, Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ đã được ông M ký nhận nợ đợt vay số 0109592701T16013 ngày 26/01/2016 .

Trong quá trình vay, từ ngày 26/01/2016 đến ngày 25/09/2017, ông M chỉ trả được tổng số tiền 13.831.770 đồng (Mười ba triệu tám trăm ba mươi mốt ngàn bảy trăm bảy mươi đồng); Trong đó: nợ gốc 9.980.180 đồng, lãi trong hạn 3.819.820 đồng, lãi quá hạn 31.770 đồng.

Từ ngày 26/9/2017, ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M trả một lần toàn bộ số nợ là 12.741.574 đồng (Mười hai triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó: nợ gốc 10.019.820 đồng, nợ lãi 980.180 đồng và lãi quá hạn 1.741.574 đồng tính đến ngày 29/11/2019 và lãi phát sinh từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với bị đơn – ông M xác nhận tất cả các nội dung như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về điều kiện, thời gian, số tiền vay và số tiền còn nợ nhưng ông M xin hẹn thanh toán mỗi tháng 1.000.00đ cho đến khi hết nợ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A thì thấy: "Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ" ngày 25/12/2015 và "Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ" đã được ông M ký nhận nợ đợt vay số 0109592701T16013 ngày 26/01/2016 thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận về việc Ngân hàng TMCP A cho ông M vay số tiền 20.000.000 đồng. Đây là Hợp đồng tín dụng, có nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên khi ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện.

[4] Ông M cũng xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền 12.434.300 đồng (Mười hai triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn ba trăm đồng), trong đó: nợ gốc là 10.019.820 đồng, nợ lãi là 980.180 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.434.300 đồng tính đến ngày 27/8/2019. Việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi như trên là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần buộc ông M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với số tiền còn nợ như trên cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 471, khoản 1, khoản 5 Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005 và các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010.

[5] Về yêu cầu xin được trả nợ mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ của ông M không được phía Ngân hàng chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: **12.741.574** đồng x 5% ~ 637.079 đồng.

[7] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 180, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 305, 401, 405, 471 và khoản 1, khoản 5 Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP A đối với ông M.

Buộc ông M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền là 12.741.574đ (Mười hai triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc 10.019.820 đồng, nợ lãi 980.180 đồng và lãi quá hạn 1.741.574 đồng tính đến ngày 29/11/2019.

Kể từ ngày 30/11/2019, nếu ông M không thực hiện nghĩa vụ của mình thì số tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến ngày thanh toán hết mọi khoản nợ với mức lãi suất theo "Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ " ngày 25/12/2015 của ông M ký với Ngân hàng TMCP A.

2. Án phí và chi phí tố tụng khác:

Án phí Dân sự sơ thẩm: 637.079đ (Sáu trăm ba mươi bảy ngàn không trăm bảy mươi chín đồng), ông M phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí 311.000đ (Ba trăm mười một ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0005157 ngày 19/9/2019.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Hà